

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2023

V/v: Ly hôn giữa chị T và anh T1

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1995; Địa chỉ HKTT: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Số nhà E, khu phố P, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 05/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều T trình bày: Vào năm 2016, chị và anh Trần Văn T1 quen biết nhau thương yêu nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên gia đình nên chị và anh T1 tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/7/2016. Trong quá trình chung sống chị và anh T1 có 02 người con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 20/4/2017 và Trần Thùy L, sinh ngày 29/4/2019, hiện cháu

N đang sống cùng anh T1, còn cháu L đang sống cùng chị T. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Chị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến tháng 2/2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh T1 đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị T xin được ly hôn cùng anh T1.

Về việc nuôi con chung: Chị Tiên đồng ý giao cháu N cho anh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và chị T không đồng ý cấp dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

Tại phiên tòa chị T, anh T1 vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Kiều T đối với bị đơn anh Trần Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị T và anh T1 nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2016 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 20/7/2016, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu, chị và anh T1 chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau 02 người con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 20/4/2017 và Trần Thùy L, sinh ngày 29/4/2019. Tuy nhiên, kể từ khoảng tháng 2/2023, giữa chị và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, hiện tại chị và anh T1 sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 02 người con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 20/4/2017 và Trần Thùy L, sinh ngày 29/4/2019, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; còn cháu N đang sống cùng anh T1 nên chị đồng ý giao cháu N cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi anh chị sống ly thân, cháu N sống cùng anh T1 và cháu L sống với chị T. Chị T và anh T1 vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho con, mặc dù tại Tòa án anh T1 không có mặt và cũng không có ý kiến về việc nuôi con chung nhưng tại Tòa án chị T cũng xác định cháu N đang sống cùng anh T1 và được anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu N cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T, anh T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T, anh T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T, anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có ý kiến không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 không có ý kiến trình bày tại Tòa và không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh T1 được. Mặt khác, tại Tòa án chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh T1, anh chị không có tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho

nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Kiều T ly hôn với anh Trần Văn T1.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Kim N, sinh ngày 20/4/2017 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Thùy L, sinh ngày 29/4/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị T, anh T1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị T, anh T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T, anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có ý kiến không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 không có ý kiến trình bày tại Tòa và không có yêu cầu phản tố, do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề về cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T1 cũng không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.
5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009950, ngày 09-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị T không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kiều T và anh Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Lâm;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thị Quyên

